

Số: 58/TB-HĐQT

Khánh Hòa, ngày 13 tháng 8 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: KHW
- Địa chỉ: 58 Yersin, phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0258.3828807 Fax: 0258.3810740
- Email: support@ctnkh.com.vn Website: <http://ctnkh.com.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên năm 2026
 - ☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC bán niên năm 2026 được kiểm toán):



☐ Có

☒ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☐ Có

☒ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: **13/8/2026** tại đường dẫn: <https://ctnkh.com.vn/home/qhcodong/>

Tài liệu đính kèm:
- BCTC bán niên 2026;

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Đàm



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2026**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2026**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Thông tin chung	2 - 3
3. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	4
4. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
5. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	7 - 10
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	11
7. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	12 - 13
8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	14 - 50



THÔNG TIN CHUNG

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Khánh Hòa theo Quyết định số 2171/QĐ – UBND ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Khánh Hòa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 4200238007, đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2013 và đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 27 tháng 07 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa cấp.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Điện thoại : (84-258) 3822142
- Fax : (84-258) 3819144

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy nước Võ Cạnh – Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa	Phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Nhà máy nước Xuân Phong – Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa	Phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Nhà máy nước Khánh Sơn – Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa	Xã Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa – Xí nghiệp Xây lắp Cấp thoát nước	Số 1B đường Lê Hồng Phong, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Vũ Văn Bình	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Văn Đàm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
Ông Lục Chánh Trường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ông Trương Khắc Hoàn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ông Nguyễn Văn Quân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024

Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Hoàng Long	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Thùy Ninh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
Ông Quách Vĩnh Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024

Ban điều hành

Các thành viên Ban điều hành trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Văn Đàm	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
Ông Vũ Văn Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Văn Quân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2025
Bà Võ Thị Khánh Hòa	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2026
Bà Hoàng Thị Hương Giang	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2025

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Đàm - Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C được chỉ định là công ty kiểm toán của Công ty.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công bố của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Văn Đàm
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2026



A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Hà Nội Head Office : 02 Trưng Sơn St., Tân Sơn Hòa Ward, Hà Nội City, Vietnam
Hanoi Branch : 40 Giảng Võ St., Giảng Võ Ward, Hà Nội City, Vietnam
Central Region Branch : Lot 57H/06A/01, Road 13, Le Hong Phong II Urban Area, Nam Ninh Trang Bient, Khanh Hoa Province, Vietnam
Southwest Branch : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Hùng Phú Ward, Cần Thơ City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@ac.com.vn
Tel: +84 (024) 3735 7879 kttv.hn@ac.com.vn
Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@ac.com.vn
Tel: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@ac.com.vn



www.a-c.com.vn

Số: 3.0186/26/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11 tháng 8 năm 2026, từ trang 07 đến trang 50, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

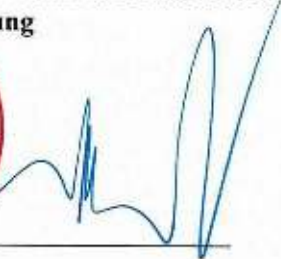
Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ vào ngày 29 tháng 7 năm 2025 với kết luận chấp nhận toàn phần và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 vào ngày 06 tháng 02 năm 2026 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Miền Trung



Nguyễn Văn Kiên

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0192-2023-008-1

Người được ủy quyền

Khánh Hòa, ngày 11 tháng 8 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		233.138.461.454	195.587.504.235
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	39.172.104.871	556.316.078
1. Tiền	111		426.066.358	556.316.078
2. Các khoản tương đương tiền	112		38.746.038.513	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		106.163.306.762	121.334.293.477
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2a	106.163.306.762	121.334.293.477
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		61.485.060.871	49.197.835.506
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	55.594.269.026	44.799.159.950
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.786.521.400	1.964.210.016
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5	4.257.870.445	2.588.065.540
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.6	(153.600.000)	(153.600.000)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		26.231.774.430	24.499.059.174
1. Hàng tồn kho	141	V.7	26.231.774.430	24.499.059.174
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		86.214.520	-
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.8a	68.981.733	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.16	17.232.787	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		420.400.502.300	435.191.816.639
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215		-	-
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		372.542.884.677	392.399.815.583
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	360.119.380.598	379.427.530.700
- Nguyên giá	222		1.368.203.878.226	1.340.007.006.962
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.008.084.497.628)	(960.579.476.262)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	12.423.504.079	12.972.284.883
- Nguyên giá	228		28.885.772.400	28.837.772.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(16.462.268.321)	(15.865.487.517)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành				
a) thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		9.103.726.558	4.916.892.446
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.11	9.103.726.558	4.916.892.446
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		24.000.000.000	24.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	V.2b	24.000.000.000	24.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		-	-
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		14.753.891.065	13.875.108.610
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.8b	11.497.886.151	10.694.048.259
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274	V.12	3.256.004.914	3.181.060.351
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		653.538.963.754	630.779.320.874

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C- NỢ PHẢI TRẢ		300		254.859.576.111	206.219.445.862
I. Nợ ngắn hạn		310		187.513.155.142	101.499.950.739
1. Phải trả người bán ngắn hạn		311	V.13	29.288.894.471	17.736.943.461
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	V.14	2.283.416.428	2.522.609.000
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận		313	V.15	50.049.993.000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn		314	V.16	13.228.009.208	11.910.434.167
5. Phải trả người lao động		315	V.17	13.429.045.733	19.894.188.789
6. Chi phí phải trả ngắn hạn		316	V.18	2.554.381.108	1.952.048.670
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn		317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng ngắn hạn		318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn		319		-	-
10. Phải trả ngắn hạn khác		320	V.19a,c	4.613.052.201	7.236.715.204
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		321	V.20a,c	63.153.973.591	37.674.649.864
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn		322		-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323	V.21	8.912.389.402	2.572.361.584
14. Quỹ bình ổn giá		324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		325		-	-
II. Nợ dài hạn		330		67.346.420.969	104.719.495.123
1. Phải trả người bán dài hạn		331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn		332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn		333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn		334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn		336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn		337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác		338	V.19b,c	9.046.507.900	5.875.974.900
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		339	V.20b,c	54.762.821.068	94.370.469.727
10. Trái phiếu chuyển đổi		340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi		341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn		343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		344	V.22	3.537.092.001	4.473.050.496



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		398.679.387.643	424.559.875.012
I. Vốn chủ sở hữu	410		398.679.387.643	424.559.875.012
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23	285.999.960.000	285.999.960.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		285.999.960.000	285.999.960.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412	V.23	852.875.935	852.875.935
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.23	71.499.990.000	48.869.748.493
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.23	40.326.561.708	88.837.290.584
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối				
lấy kể đến cuối kỳ trước	420a		-	88.837.290.584
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		40.326.561.708	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		653.538.963.754	630.779.320.874

Khánh Hòa, ngày 11 tháng 8 năm 2026



Trần Thị Thu Hà
Người lập biểu



Hoàng Thị Hương Giang
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đàm
Người đại diện pháp luật



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	228.261.303.557	219.347.942.476
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL.2	5.189.141	462.963
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		228.256.114.416	219.347.479.513
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.3	178.691.842.898	169.899.641.583
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		49.564.271.518	49.447.837.930
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VL.4	7.209.814.461	2.246.846.848
8. Chi phí tài chính	23	VL.5	2.989.234.601	3.002.665.269
Trong đó: chi phí đi vay	24		2.989.234.601	3.002.665.269
9. Chi phí bán hàng	25	VL.6	-	302.000.000
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL.7	9.856.619.263	6.235.724.602
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		43.928.232.115	42.154.294.907
12. Thu nhập khác	31	VL.8	3.273.798.021	3.021.557.026
13. Chi phí khác	32	VL.9	2.517.402.923	2.301.450.456
14. Lợi nhuận khác	40		756.395.098	720.106.570
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		44.684.627.213	42.874.401.477
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	4.358.065.505	4.438.199.328
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		40.326.561.708	38.436.202.149
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL.10	1.128	849
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VL.10	1.128	849



Trần Thị Thu Hà
Người lập biểu



Hoàng Thị Hương Giang
Kế toán trưởng



Khánh Hòa, ngày 11 tháng 8 năm 2026

Nguyễn Văn Đàm
Người đại diện theo pháp luật



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		44.684.627.213	42.874.401.477
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9,10,22	47.165.843.675	44.038.183.057
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	VI.4	(7.201.044.503)	(2.246.846.848)
- Chi phí đi vay	06	VI.5	2.989.234.601	3.002.665.269
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		87.638.660.986	87.668.402.955
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(12.621.577.715)	(7.781.717.623)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.7	(3.560.671.256)	(740.504.342)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		8.397.551.921	3.906.441.954
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12	V.8	(872.819.625)	1.785.722.791
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14	VI.5,V.18	(3.122.312.669)	(2.743.032.621)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(5.500.000.000)	(5.000.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.21	10.530.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	(9.827.558.259)	(7.320.985.560)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		60.541.803.383	69.774.327.554
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9,V.10 VI.1	(30.169.720.876)	(36.373.987.195)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(104.489.171.799)	(110.539.219.452)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		120.717.309.200	95.648.514.135
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	6.143.893.817	275.874.772
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.797.689.658)	(50.988.817.740)



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20a,b	4.748.000.000	13.222.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20a,b	(18.876.324.932)	(15.496.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14.128.324.932)	(2.274.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		38.615.788.793	16.511.509.814
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	556.316.078	6.619.633.610
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	39.172.104.871	23.131.143.424



Trần Thị Thu Hà
Người lập



Hoàng Thị Hương Giang
Kế toán trưởng



Khánh Hòa, ngày 11 tháng 8 năm 2026

Nguyễn Văn Đàm
Người đại diện theo pháp luật



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất nước sạch và cung cấp dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu có trụ sở chính tại 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là khai thác, xử lý và cung cấp nước. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 30%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy nước Võ Cạnh – Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa	Phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Nhà máy nước Xuân Phong – Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa	Phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Nhà máy nước Khánh Sơn – Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa	Xã Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa – Xi nghiệp Xây lắp Cấp thoát nước	Số 1B đường Lê Hồng Phong, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

6. Số lượng người lao động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 333 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 329 nhân viên).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này. Trong kỳ, Công ty lần đầu tiên áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính ("Thông tư 99") thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"). Theo đó, một số khoản mục trên Báo cáo tài chính đã được tái phân loại và đổi tên theo quy định mới. Số liệu cột "Số đầu năm" và cột "Kỳ trước" trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được trình bày lại theo cách phân loại và tên gọi mới của Thông tư 99 để đảm bảo tính so sánh được. Các thay đổi này không làm ảnh hưởng đến tổng giá trị tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Thông tin khác

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM (Hệ thống giao dịch chứng khoán chưa niêm yết) thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán "KHW" theo Quyết định số 89/QĐ-SGDHN ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 20 tháng 02 năm 2017.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam ("VND") do các giao dịch chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 ("Thông tư 99") và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp mới

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Công ty thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Công ty áp dụng phương pháp phi hồi tố.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán trên đến số liệu so sánh là không trọng yếu.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và trên giả định hoạt động liên tục.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (tính từ ngày mua đến ngày đáo hạn), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Các khoản tiền và tương đương tiền bị hạn chế sử dụng không được trình bày tại chỉ tiêu này mà trình bày tại chỉ tiêu "Tài sản ngắn hạn khác" hoặc "Tài sản dài hạn khác" tùy theo thời hạn hạn chế sử dụng.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác hoặc có bản chất tương tự và không bao gồm các công cụ phái sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua (phí giao dịch, hoa hồng môi giới,...). Lãi dồn tích từ kỳ trước tính đến ngày mua được ghi giảm trừ vào giá gốc của khoản đầu tư tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Lãi nhận sau hoặc lãi nhận định kỳ được ghi nhận vào đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và doanh thu hoạt động tài chính tương ứng với kỳ hưởng lãi trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy, tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư. Trường hợp các bằng chứng tổn thất giảm đi hoặc không còn trong kỳ sau, phần tổn thất đã ghi nhận được hoàn nhập và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng,...).

Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ hoặc khoản đầu tư bị suy giảm giá trị dẫn đến Công ty có khả năng bị mất vốn. Mức trích lập bằng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại công ty liên kết tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nhân (x) với phần chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu của công ty liên kết tại cùng thời điểm.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ. Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng hoặc từng dịch vụ cung cấp dở dang có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm dự phòng tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường và sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường không được trình bày là hàng tồn kho mà được trình bày là tài sản dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính.

6. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh (bao gồm các chi phí đã trả tiền trước và các chi phí chưa trả tiền trước) có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ kế toán có liên quan.

Chi phí chờ phân bổ được phân loại thành ngắn hạn (thời gian phân bổ không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) và dài hạn (thời gian phân bổ trên 12 tháng hoặc dài hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) trên Báo cáo tình hình tài chính. Chi phí chờ phân bổ dài hạn không được tái phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khi lập Báo cáo tài chính.

Việc phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh từng kỳ được Công ty thực hiện căn cứ vào tính chất, mức độ của từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp. Thời gian và phương pháp phân bổ các khoản chi phí chờ phân bổ của Công ty như sau:

Chi phí công cụ, dụng cụ,

Công cụ, dụng cụ, đã xuất dùng hoặc cho thuê liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính (không quá 36 tháng).

Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản cố định

Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, cải tạo định kỳ, chi phí sửa chữa, cải tạo định kỳ phát sinh được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng kể từ kỳ tài sản được sửa chữa, cải tạo hoàn thành, đưa vào sử dụng cho đến lần cần sửa chữa, cải tạo định kỳ tiếp theo (thường là 36 tháng).

Các chi phí chờ phân bổ khác

Các chi phí khác đã phát sinh có liên quan đến nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo tiêu thức phù hợp với đặc điểm và bản chất của từng khoản chi phí.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên tài sản cố định hữu hình được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh. Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh có giá trị lớn được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo.



30449
CÔNG
M TỎA
A
CHI
MIỄN
1 TRAN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 16
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định khác	05 - 25

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn sử dụng đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (25 – 28 năm). Quyền sử dụng đất ổn định lâu dài không tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt, bao gồm cả chi phí đi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay ("VAS 16"). Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao cho đến khi hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng. Khi hoàn thành, toàn bộ chi phí được kết chuyển sang khoản mục phù hợp tùy theo mục đích sử dụng thực tế, bao gồm tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho và được tính khấu hao/hao mòn từ thời điểm đưa vào sử dụng.

Chi phí nâng cấp, cải tạo tài sản cố định đang thực hiện được tập hợp riêng và khi hoàn thành được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định tương ứng.

Các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định phát sinh thường xuyên hàng kỳ để tài sản hoạt động bình thường được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Đối với các tài sản cố định theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí phát sinh được tập hợp riêng. Khi hoàn thành, chi phí được kết chuyển sang chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ bảo dưỡng tiếp theo.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh: các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán; các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép; và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh khác phải trích trước (như chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ, chi phí lãi vay phải trả).
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ của doanh nghiệp.

12. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Công ty.

Mức trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ ("Quỹ") tối đa bằng 10% thu nhập tính thuế trong năm và được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định hình thành từ Quỹ được ghi giảm Quỹ tương ứng. Hao mòn hàng kỳ được ghi giảm quỹ đã hình thành tài sản cố định, không tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh. Khi tài sản cố định hình thành từ Quỹ chuyển sang phục vụ sản xuất kinh doanh, phần giá trị còn lại chưa khấu hao được ghi giảm Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành tài sản cố định và ghi nhận vào thu nhập khác. Từ thời điểm chuyển đổi, hao mòn được tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo quy định.

Khi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định hình thành từ Quỹ, giá trị còn lại và chi phí thanh lý được ghi giảm Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành tài sản, tiền thu từ thanh lý được ghi nhận vào thu nhập khác, chi phí phát sinh liên quan được ghi nhận vào chi phí khác.

Nếu chi mua sắm tài sản cố định từ Quỹ trong kỳ vượt số dư hiện có tại Quỹ thì khoản chi vượt được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp ngay trong kỳ. Đối với các khoản chi thường xuyên cho hoạt động nghiên cứu phát triển không hình thành tài sản cố định mà vượt số dư Quỹ, phần vượt được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Trường hợp trong thời hạn 5 năm kể từ khi trích lập, tổng số tiền đã sử dụng không đạt 70% số quỹ đã trích lập, Công ty phải nộp ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không sử dụng hoặc sử dụng không đủ 70%, cộng thêm tiền lãi phát sinh. Khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung này được ghi nhận vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ xác định nghĩa vụ.

13. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn được ghi nhận bao gồm:

- Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung.
- Chênh lệch giữa giá mua lại và giá bán tái phát hành cổ phiếu mua lại của chính mình.

Chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu thành công được ghi giảm thặng dư vốn.

14. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

15. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng bằng việc chuyển giao quyền kiểm soát hàng hóa, thành phẩm cho khách hàng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ hoạt động đầu tư. Thời điểm ghi nhận được xác định theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của đơn vị nhận đầu tư. Chi phần cổ tức thuộc giai đoạn sau ngày đầu tư mới được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính, phần thuộc giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu không được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư, chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các khoản này được theo dõi riêng và kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại, Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu các khoản giảm trừ phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: đây là sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu các khoản giảm trừ phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: được ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ khi đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, là tài sản cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán, được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hóa chi phí đi vay bắt đầu khi đồng thời thỏa mãn cả ba điều kiện:

- Chi phí cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đã phát sinh;
- Chi phí đi vay đã phát sinh; và
- Các hoạt động cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đang được tiến hành.

Việc vốn hóa tạm ngừng trong các giai đoạn quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bị gián đoạn một cách bất thường. Việc vốn hóa chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

Đối với khoản vay riêng biệt phục vụ việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa là chi phí đi vay thực tế phát sinh trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của khoản vay này.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa áp dụng cho chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Công ty ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chính sách kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Hàng quý, Công ty xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp theo tờ khai thuế. Cuối năm tài chính, Công ty xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán và điều chỉnh chênh lệch so với số đã tạm ghi nhận trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ trường hợp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của tài sản hay nợ phải trả trong một giao dịch không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hay thu nhập chịu thuế tại thời điểm phát sinh.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để sử dụng các chênh lệch tạm thời đó, đồng thời được ghi nhận cho các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng khi có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu thì không được phản ánh vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào cuối mỗi kỳ kế toán và được giảm xuống trong phạm vi không còn chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế để thu hồi toàn bộ hoặc một phần tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên thuế suất và quy định thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi lập Báo cáo tình hình tài chính, tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ với nhau khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung.

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

- Công ty mẹ, công ty liên doanh, liên kết.
- Các cá nhân có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm Ban điều hành, Ban kiểm soát, các thành viên quản lý khác và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp mà các cá nhân thuộc các nhóm trên nắm giữ tỷ lệ biểu quyết (trực tiếp hoặc gián tiếp) đủ lớn để có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến doanh nghiệp đó, bao gồm các doanh nghiệp được sở hữu bởi thành viên quản lý chủ chốt hoặc cổ đông chính của Công ty và các doanh nghiệp có chung thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi cá nhân đó khi giao dịch với Công ty, bao gồm: bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột.

Giao dịch giữa các bên liên quan là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Tính chất rủi ro và lợi ích kinh tế là căn cứ chủ yếu để xác định báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý. Nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ thì báo cáo chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý. Ngược lại, nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về khu vực địa lý thì báo cáo chính yếu được lập theo khu vực địa lý và báo cáo thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh. Cơ cấu tổ chức, quản lý và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Công ty là cơ sở chính để xác định báo cáo bộ phận chính yếu hay thứ yếu.

Một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu có nguồn gốc từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài và đáp ứng ít nhất một trong các ngưỡng:

- Doanh thu của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng doanh thu của tất cả các bộ phận.
- Kết quả kinh doanh của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận có lãi hoặc tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận bị lỗ (tùy theo giá trị tuyệt đối nào lớn hơn).
- Tổng tài sản của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	30.576.060	15.930.516
Tiền gửi không kỳ hạn	395.490.298	540.385.562
- Ngân hàng TMCP An Bình	4.910.622	140.668.260
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	3.598.291	129.734.261
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	13.883.526	104.642.710
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	300.439.743	36.127.807
- Các ngân hàng khác	72.658.116	129.212.524
Các khoản tương đương tiền	38.746.038.513	-
- Tiền gửi kỳ hạn 2 tháng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	10.000.000.000	-
- Tiền gửi kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	10.260.000.000	-
- Tiền gửi kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	12.500.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng, tổ chức khác	5.774.187.200	-
- Lãi dự thu	211.851.313	-
Cộng	39.172.104.871	556.316.078

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư vào công ty liên kết. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng, chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ⁽¹⁾	34.672.156.700	34.672.156.700	39.525.670.300	39.525.670.300
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	21.150.000.000	21.150.000.000	30.509.686.527	30.509.686.527
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	18.828.293.765	18.828.293.765	18.391.438.458	18.391.438.458
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	19.578.931.507	19.578.931.507	22.336.970.178	22.336.970.178
Các ngân hàng khác	10.171.964.119	10.171.964.119	9.953.543.737	9.953.543.737
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	1.761.960.671	1.761.960.671	616.984.277	616.984.277
Cộng	106.163.306.762	106.163.306.762	121.334.293.477	121.334.293.477



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với giá gốc là 14.171.339.200 VND (số đầu năm là 14.171.339.200 VND) được sử dụng làm tài sản đảm bảo thực hiện hợp đồng thi công (xem Thuyết minh số V.24).

Tất cả các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn đều có khả năng thu hồi, không cần trích lập dự phòng. Không có biến động dự phòng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn trong kỳ.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu	24.000.000.000	24.000.000.000	24.000.000.000	24.000.000.000
Cộng	24.000.000.000	24.000.000.000	24.000.000.000	24.000.000.000

Khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết có khả năng thu hồi, không cần trích lập dự phòng.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201574467 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 9 năm 2013 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 15 tháng 10 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa cấp. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán và tại ngày đầu năm, Công ty sở hữu 2.400.000 cổ phiếu tương ứng 30% vốn điều lệ với giá trị đầu tư là 24.000.000.000 VND.

Giá trị có thể thu hồi

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu không xác định được giá trị hợp lý, giá trị có thể thu hồi được xác định dựa trên vốn chủ sở hữu của bên được đầu tư theo tỷ lệ vốn góp, căn cứ vào Báo cáo tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu hiện đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Không có biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong kỳ.

Giao dịch với các công ty liên kết

Giao dịch giữa Công ty với các công ty liên kết được trình bày tại thuyết minh số VIII.1b.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu khách hàng dịch vụ cung cấp nước	55.262.930.026	-	44.467.820.950	-
Các khách hàng khác	331.339.000	-	331.339.000	-
Cộng	55.594.269.026	-	44.799.159.950	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ B.A.C.A.U	200.316.000	-
Công ty Cổ phần Sài Gòn Công nghệ Nước	776.599.000	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Hệ thống Long Vân	299.483.500	-
Các nhà cung cấp khác	510.122.900	1.964.210.016
Cộng	1.786.521.400	1.964.210.016

Trong đó, khoản ứng trước để mua sắm, xây dựng tài sản cố định là 0 VND (số đầu năm là 242.175.000 VND).

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu bên liên quan	2.868.010.427	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu - Cổ tức được chia	2.868.010.427	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.389.860.018	-	2.588.065.540	-
Phải thu của người lao động - tiền tạm ứng công tác	37.000.000	-	22.000.000	-
Các khoản ký cược, ký quỹ	20.000.000	-	20.000.000	-
Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	172.549.800	-	-	-
Lãi vay được ngân sách cấp bù	1.160.310.218	-	-	-
Cộng	4.257.870.445	-	2.588.065.540	-

6. Nợ quá hạn, nợ xấu

Toàn bộ là khoản trả trước cho người bán đã quá hạn thanh toán trên 3 năm, chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần 504	100.000.000	-	100.000.000	-
Công ty Cổ phần CATSOFT	53.600.000	-	53.600.000	-
Cộng	153.600.000	-	153.600.000	-

Không có biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong kỳ.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	24.469.028.321	-	23.078.848.124	-
Công cụ, dụng cụ	52.904.562	-	52.904.562	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.709.841.547	-	1.367.306.488	-
Cộng	26.231.774.430	-	24.499.059.174	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Không có hàng tồn kho cần lập dự phòng. Không có biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ.

8. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn**

Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn là chi phí gia hạn phần mềm còn phải phân bổ.

8b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	5.709.798.998	5.710.740.028
Chi phí sửa chữa	5.016.240.452	3.960.129.432
Các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	771.846.701	1.023.178.799
Cộng	11.497.886.151	10.694.048.259

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	94.853.525.629	323.145.140.743	918.582.589.113	3.425.751.477	1.340.007.006.962
Mua trong kỳ	342.504.629	5.896.362.820	876.064.333	551.870.370	7.666.802.152
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	1.126.291.963	17.575.821.149	-	18.702.113.112
Tăng từ hoạt động thi công lắp đặt đường ống	-	513.855.000	1.314.101.000	-	1.827.956.000
Số cuối kỳ	95.196.030.258	330.681.650.526	938.348.575.595	3.977.621.847	1.368.203.878.226
Trong đó:					
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	42.277.676.315	205.576.262.863	376.657.563.346	2.456.728.232	626.968.230.756
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	78.252.899.248	268.749.048.766	610.720.551.576	2.856.976.672	960.579.476.262
Khấu hao trong kỳ	1.804.629.579	10.373.107.857	35.175.051.193	152.232.737	47.505.021.366
Số cuối kỳ	80.057.528.827	279.122.156.623	645.895.602.769	3.009.209.409	1.008.084.497.628
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	16.600.626.381	54.396.091.977	307.862.037.537	568.774.805	379.427.530.700
Số cuối kỳ	15.138.501.431	51.559.493.903	292.452.972.826	968.412.438	360.119.380.598
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Danh mục tài sản cố định hữu hình tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Các tuyến ống HDPE trên địa bàn	918.904.238.509	630.823.360.844	288.080.877.665
Tài sản cố định hữu hình khác	449.299.639.717	377.261.136.784	72.038.502.933
Cộng	1.368.203.878.226	1.008.084.497.628	360.119.380.598

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 207.170.127.061 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa.

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	24.636.685.000	4.201.087.400	28.837.772.400
Mua trong kỳ	-	48.000.000	48.000.000
Số cuối kỳ	24.636.685.000	4.249.087.400	28.885.772.400
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	2.970.007.400	2.970.007.400
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	12.717.273.322	3.148.214.195	15.865.487.517
Khấu hao trong kỳ	443.864.388	152.916.416	596.780.804
Số cuối kỳ	13.161.137.710	3.301.130.611	16.462.268.321
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	11.919.411.678	1.052.873.205	12.972.284.883
Số cuối kỳ	11.475.547.290	947.956.789	12.423.504.079
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Danh mục tài sản cố định vô hình tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất Công ty	19.498.185.000	10.529.019.900	8.969.165.100
Quyền sử dụng đất lô 110 nhà máy Võ Cạnh	5.138.500.000	2.632.117.810	2.506.382.190
Các phần mềm quản lý vận hành, thu cước	3.076.221.000	2.607.257.532	468.963.468
Các phần mềm quản lý khác	1.172.866.400	693.873.079	478.993.321
Cộng	28.885.772.400	16.462.268.321	12.423.504.079

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 8.969.165.100 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCD trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Xây dựng cơ bản dở dang	4.916.892.446	27.612.776.154	(18.702.113.112)	(4.723.828.930)	9.103.726.558
- Nâng cấp tuyến ống nước thô DN300 & tuyến ống nước sạch DN100,50 - Đ. Trần Bình Trọng - Khánh Sơn	-	2.062.566.947	-	(448.710.509)	1.613.856.438
- Đầu tư thay mới tuyến ống DN300,100 - Đ. Trần Phú (từ Dã Trượng đến bệnh viện Vinmec)	-	1.263.697.905	-	(15.318.196)	1.248.379.709
- Thi công thăm rọ đá chống xói công trình thu - Trạm bơm I NMN Võ Cảnh	-	1.239.927.179	-	-	1.239.927.179
- Các hạng mục khác	4.916.892.446	23.046.584.123	(18.702.113.112)	(4.259.800.225)	5.001.563.232
Cộng	4.916.892.446	27.612.776.154	(18.702.113.112)	(4.723.828.930)	9.103.726.558

12. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	13.429.045.733	19.894.188.789
Cộng	13.429.045.733	19.894.188.789

Khoản tiền gửi có kỳ hạn được dùng để ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng thi công các tuyến ống HDPE tại Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa, thời hạn 5 năm.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	6.584.950.000	5.417.401.500
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu	6.584.950.000	5.417.401.500
Phải trả các nhà cung cấp khác	22.703.944.471	12.319.541.961
Công ty Cổ phần DNP Holding	8.340.212.675	2.695.867.369
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	5.078.376.000	1.692.792.000
Nhà máy Hóa chất Biên Hòa - Chi nhánh CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam	3.006.629.280	671.749.200
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Sơn Thành	3.419.230.500	3.065.517.000
Các nhà cung cấp khác	2.859.496.016	4.193.616.392
Cộng	29.288.894.471	17.736.943.461



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Trong đó, khoản phải trả người bán về mua sắm, xây dựng tài sản cố định là 483.724.500 VND (số đầu năm là 291.871.000 VND).

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Khánh Hòa	1.261.098.000	1.261.098.000
Công ty Cổ phần Khách sạn Bến du thuyền	319.767.000	319.767.000
Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Khánh Sơn	624.684.000	624.684.000
Các khách hàng khác	77.867.428	317.060.000
Cộng	2.283.416.428	2.522.609.000

15. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Cổ tức phải trả cho các bên liên quan</i>	<i>47.488.980.000</i>	-
Ủy ban nhân dân Tỉnh Khánh Hòa	25.525.500.000	-
Công ty TNHH Nước sạch REE	21.963.480.000	-
<i>Cổ tức phải trả cho các cổ đông khác</i>	<i>2.561.013.000</i>	-
Phải trả các cổ đông khác	2.561.013.000	-
Cộng	50.049.993.000	-

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 đã thông qua Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026 việc chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền cho các cổ đông theo tỷ lệ 17,5% vốn điều lệ, tương ứng 50.049.993.000 VND. Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 43/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 6 năm 2026 về việc chi trả cổ tức năm 2025, ngày đăng ký cuối cùng để chốt quyền nhận cổ tức là ngày 14 tháng 7 năm 2026, ngày thanh toán cổ tức dự kiến là ngày 28 tháng 8 năm 2026.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	227.911.124	-	3.989.806.220	(3.494.236.408)	723.480.936	-
Thuế GTGT phí thoát nước đô thị thu và nộp hộ	594.236.175	-	4.027.787.245	(3.886.003.223)	736.020.197	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.728.292.197	-	4.358.065.505	(5.500.000.000)	586.357.702	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.376.276.475	-	1.227.579.000	(2.307.643.475)	296.212.000	-
Thuế tài nguyên	147.416.680	-	887.746.320	(878.302.280)	156.860.720	-
Tiền thuê đất	-	-	90.001.166	(90.001.166)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	7.836.301.516	-	56.601.164.766	(53.725.621.416)	10.729.077.653	17.232.787
- <i>Giá dịch vụ thoát nước đô thị</i>	<i>7.056.554.587</i>	-	<i>47.829.973.545</i>	<i>(46.146.288.291)</i>	<i>8.740.239.841</i>	-
- <i>Phí dịch vụ môi trường rừng</i>	<i>670.508.644</i>	-	<i>1.404.250.328</i>	<i>(1.332.309.420)</i>	<i>742.449.552</i>	-
- <i>Phí bảo vệ môi trường</i>	<i>109.238.285</i>	-	<i>6.634.934.606</i>	<i>(5.497.784.631)</i>	<i>1.246.388.260</i>	-
- <i>Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước</i>	-	-	<i>732.006.287</i>	<i>(749.239.074)</i>	-	<i>17.232.787</i>
Cộng	11.910.434.167	-	71.182.150.222	(69.881.807.968)	13.228.009.208	17.232.787

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Toàn bộ nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác được thanh toán trong ngắn hạn.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- | | | |
|---|---|-----|
| • Khai thác và cung cấp nước sạch | : | 5% |
| • Dịch vụ xây lắp, tư vấn, thiết kế, bán vật tư | : | 10% |

6 tháng đầu năm 2026, Công ty được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với một số hàng hóa, dịch vụ theo Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được hưởng các ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ hoạt động xã hội hóa (hoạt động sản xuất và cung ứng nước sạch) theo các quy định sau:

- Theo quy định tại Điều 8 và Điều 16 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ và Điều 15, Điều 19 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ;
- Theo quy định tại Mục V Danh mục loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Mục VI Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ; và

Theo đó, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất và cung ứng nước sạch đáp ứng các điều kiện áp dụng ưu đãi.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	44.684.627.213	42.874.401.477
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
• Các khoản điều chỉnh tăng	426.944.525	131.600.752
• Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	45.111.571.738	43.006.002.229
Thu nhập được miễn thuế	(2.868.010.427)	-
Thu nhập tính thuế	42.243.561.311	43.006.002.229
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	8.448.712.262	8.601.200.446
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(4.090.646.757)	(4.163.001.118)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.358.065.505	4.438.199.328



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác mặt nước phục vụ sản xuất với giá tính thuế là 4.000 VND/m³, thuế suất là 1%.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê hàng năm như sau:

<u>Vị trí đất</u>	<u>Diện tích (m²)</u>	<u>Đơn giá thuê (VND/m²)</u>
• Nhà máy Võ Cạnh	400,5	7.436
• Xưởng Lê Hồng Phong	232,9	258.012

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	13.429.045.733	19.894.188.789
Cộng	13.429.045.733	19.894.188.789

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hỗ trợ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	588.358.000	382.072.000
Chi phí lãi vay phải trả	237.755.432	370.833.500
Chi phí điện, nước	1.282.330.302	853.658.177
Chi phí dịch vụ bảo vệ	227.530.000	227.733.333
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	218.407.374	117.751.660
Cộng	2.554.381.108	1.952.048.670

19. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

19a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	2.488.401.000	1.658.934.000
Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa - Phải trả giá trị nhận nợ tài sản cố định đến hạn trả	2.488.401.000	1.658.934.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	2.124.651.201	5.577.781.204
Kinh phí công đoàn, BHXH	335.369.183	28.607.608
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.683.285.193	5.008.285.193
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	105.996.825	540.888.403
Cộng	4.613.052.201	7.236.715.204



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	5.046.507.900	5.875.974.900
Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa - Phải trả giá trị nhận nợ tài sản cố định	5.046.507.900	5.875.974.900
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	4.000.000.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược	4.000.000.000	-
Cộng	9.046.507.900	5.875.974.900

19c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Là các khoản vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số V.20b), chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa ⁽ⁱ⁾	51.959.324.932	34.577.324.932
Ngân sách tỉnh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱ⁾	11.194.648.659	3.097.324.932
Cộng	63.153.973.591	37.674.649.864

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	37.674.649.864	31.313.324.932
Kết chuyển từ vay dài hạn	44.355.648.659	39.893.324.932
Số tiền vay đã trả	(18.876.324.932)	(33.532.000.000)
Số cuối kỳ	63.153.973.591	37.674.649.864

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa ⁽ⁱ⁾	54.762.821.068	84.175.821.068
Vay Ngân sách tỉnh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱ⁾	-	10.194.648.659
Cộng	54.762.821.068	94.370.469.727

⁽ⁱ⁾ Khoản vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa gồm các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 09/2017/HĐTD - ĐTPT ngày 27/12/2017 với hạn mức 41.150.000.000 VND; thời hạn vay là 126 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 120 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 8,29%/năm. Mục đích vay: Cải tạo, nâng cấp tuyến ống cấp nước DN700 đường 23/10 đoạn Nhà máy nước Võ Cạnh đến Cầu Dứa - Nha Trang. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định là các tuyến ống và máy móc thiết bị của Công ty (xem Thuyết minh số V.9, V.10).
- Hợp đồng tín dụng số 17/2020/HĐTD - ĐTPT ngày 09/12/2020 với hạn mức 43.290.000.000 VND; thời hạn vay là 136 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 132 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 8,29%/năm. Mục đích vay: Đầu tư dự án "Tuyến ống cấp nước DN700 đường 23/10 (đoạn từ Mã Vòng đến Cầu Dứa)". Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định là các tuyến ống và máy móc thiết bị của Công ty (xem Thuyết minh số V.9, V.10).



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Hợp đồng tín dụng số 03/2019/HĐTD - ĐTPT ngày 22/05/2019 với hạn mức 11.700.000.000 VND; thời hạn vay là 141 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 139 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 8,29%/năm. Mục đích vay: Cải tạo Nhà máy xử lý nước thị trấn Tô Hạp. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định là các tuyến ống và máy móc thiết bị của Công ty (xem Thuyết minh số V.9, V.10).
- Hợp đồng tín dụng số 12/2022/HĐTD – ĐTPT ngày 06/07/2022 với hạn mức 3.787.000.000 VND; thời hạn vay là 74 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 72 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 7,9%/năm. Mục đích vay: “Đầu tư thay thế tuyến ống DN500, DN400 thay thế tuyến ống cũ đoạn cầu Hà Ra (km6+900 QL1C)”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định là các tuyến ống và máy móc thiết bị của Công ty (xem Thuyết minh số V.9, V.10).
- Hợp đồng tín dụng số 01/2023/HĐTD-ĐTPT ngày 07/04/2023 với hạn mức 6.740.000.000 VND; thời hạn vay tối đa 87 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 84 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay 7,9%/năm. Mục đích vay: Đầu tư cải tạo 04 bể lọc còn lại cụm xử lý A (thuộc dự án đầu tư xây dựng cải tạo NMN Võ Cảnh – Giai đoạn 2). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định là các tuyến ống và máy móc thiết bị của Công ty (xem Thuyết minh số V.9, V.10).
- Hợp đồng tín dụng số 02/2023/HĐTD – ĐTPT ngày 27/06/2023 và Phụ lục số 01 ngày 28/08/2023 với hạn mức 4.072.000.000 VND; thời hạn vay là 73 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 72 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 7,9%/năm. Mục đích vay: “Đầu tư tuyến ống cấp nước HDPE DN150, 100 thay thế tuyến ống cũ PVC - Đường Lê Hồng Phong (Từ Mã Vòng đến Phước Long)”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định là các tuyến ống và máy móc thiết bị của Công ty (xem Thuyết minh số V.9, V.10).
- Hợp đồng tín dụng số 03/2023/HĐTD – ĐTPT ngày 27/06/2023 và Phụ lục số 01 ngày 30/10/2023 với hạn mức 3.048.000.000 VND; thời hạn vay là 73 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 72 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 7,9%/năm. Mục đích vay: “Đầu tư tuyến ống cấp nước HDPE DN100,50 thay thế tuyến ống cũ PVC DN100,50 -KDC Hòn Rớ 1 (Từ ngã ba cầu Bình Tân đến chợ Hòn Rớ)”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định là các tuyến ống và máy móc thiết bị của Công ty (xem Thuyết minh số V.9, V.10).
- Hợp đồng tín dụng số 04/2023/HĐTD – ĐTPT ngày 27/06/2023 và Phụ lục số 01 ngày 30/10/2023 với hạn mức 2.130.000.000 VND; thời hạn vay là 73 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 72 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 7,9%/năm. Mục đích vay: “Đầu tư tuyến ống cấp nước HDPE DN200,100 thay thế tuyến ống cũ PVC DN150,100,50 - đường Dã Tượng (Từ ngã tư đường Trường Sa đến ngã ba đường Trần Phú)”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định là các tuyến ống và máy móc thiết bị của Công ty (xem Thuyết minh số V.9, V.10).
- Hợp đồng tín dụng số 05/2023/HĐTD – ĐTPT ngày 27/06/2023 và Phụ lục số 01 ngày 28/08/2023 với hạn mức 5.623.000.000 VND; thời hạn vay là 73 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 72 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 7,9%/năm. Mục đích vay: “Đầu tư tuyến ống cấp nước HDPE DN300,150,100,50 thay thế tuyến ống cũ PVC DN200,150,100,50 - đường 2/4 (Từ Nguyễn Xiển đến Trần Quý Cáp)”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định là các tuyến ống và máy móc thiết bị của Công ty (xem Thuyết minh số V.9, V.10).



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Hợp đồng tín dụng số 08/2023/HĐTD – ĐTPT ngày 21/09/2023 với hạn mức 4.390.000.000 VND; thời hạn vay là 85 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 84 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 7,9%/năm. Mục đích vay: “Đầu tư tuyến ống cấp nước HDPE DN300, 50 - Đường Nguyễn Lương Bằng (từ cầu Vĩnh Phương đến ngã ba Quốc lộ 1)”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định là các tuyến ống và máy móc thiết bị của Công ty (xem Thuyết minh số V.9, V.10).
- Hợp đồng tín dụng số 19/2023/HĐTD – ĐTPT ngày 20/11/2023 với hạn mức 3.586.000.000 VND; thời hạn vay là 67 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 66 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 7,9%/năm. Mục đích vay: “Đầu tư tuyến ống cấp nước DN300, 100 thay thế tuyến ống cũ gang DN350, PVC DN50 - đường 23/10 (Diễn An - Diễn Khánh, bên phải tuyến)”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định là các tuyến ống và máy móc thiết bị của Công ty (xem Thuyết minh số V.9, V.10).
- Hợp đồng tín dụng số 21/2023/HĐTD – ĐTPT ngày 20/11/2023 và Phụ lục số 01 ngày 28/12/2023 với hạn mức 3.891.146.000 VND; thời hạn vay là 85 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 84 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 7,9%/năm. Mục đích vay: “Đầu tư tuyến ống cấp nước DN300, 100 thay thế tuyến ống cũ PVC DN300, 100 Quốc lộ 1 (Từ KCN Đắc Lộc - ngã ba Vĩnh Phương)”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định là các tuyến ống và máy móc thiết bị của Công ty (xem Thuyết minh số V.9, V.10).
- Hợp đồng tín dụng số 01/2024/HĐTD – ĐTPT ngày 24/01/2024 với hạn mức 4.430.000.000 VND; thời hạn vay là 73 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 72 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 7,9%/năm. Mục đích vay: “Đầu tư tuyến ống cấp nước DN300, 150, 100 thay thế tuyến ống cũ PVC DN300, 150, 100 đường Điện Biên Phủ (Đoạn ngã ba đường 2/4 đến ngã ba Phạm Văn Đồng)”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định là các tuyến ống và máy móc thiết bị của Công ty (xem Thuyết minh số V.9, V.10).
- Hợp đồng tín dụng số 02/2024/HĐTD – ĐTPT ngày 21/03/2024 và Phụ lục số 01 ngày 07/02/2025 với hạn mức 44.784.000.000 VND; thời hạn vay là 107 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 72 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 7,9%/năm. Mục đích vay: “Đầu tư xây dựng tuyến ống cấp nước DN400 đường Võ Nguyên Giáp và đường Tổ Hữu (đoạn từ ngã tư đường tránh QL1 đến đường Lê Hồng Phong)”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định là các tuyến ống và máy móc thiết bị của Công ty (xem Thuyết minh số V.9, V.10).
- Hợp đồng tín dụng số 20/2023/HĐTD – ĐTPT ngày 20/11/2023 với hạn mức 3.330.000.000 VND; thời hạn vay là 73 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 72 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 7,9%/năm. Mục đích vay: Đầu tư tuyến ống cấp nước DN300, 150, 100 thay thế tuyến ống cũ PVC DN300, 150, 100 - Đường Trần Hưng Đạo, đường Pasteur, đường Lê Lợi - phường Lộc Thọ, Xương Huân – Tp. Nha Trang (đoạn từ Lê Thánh Tôn đến đường Ngô Quyền). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định là các tuyến ống và máy móc thiết bị của Công ty (xem Thuyết minh số V.9, V.10).
- Hợp đồng tín dụng số 04/2024/HĐTD – ĐTPT ngày 26/06/2024 và Phụ lục số 01 ngày 30/09/2024 với hạn mức 2.879.000.000 VND; thời hạn vay là 73 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 72 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 7,9%/năm. Mục đích vay: Đầu tư tuyến ống cấp nước DN300, 100 thay thế tuyến ống cũ PVC DN300, 100 - Đường Hùng Vương, đường Biệt Thự (Từ Lê Thánh Tôn đến Biệt Thự đến Trần Phú). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định là các tuyến ống và máy móc thiết bị của Công ty (xem Thuyết minh số V.9, V.10).



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Hợp đồng tín dụng số 06/2024/HĐTD – ĐTPT ngày 26/06/2024 và Phụ lục số 01 ngày 30/09/2024 với hạn mức 1.477.000.000 VND; thời hạn vay là 54 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 53 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 7,9%/năm. Mục đích vay: “Đầu tư tuyến ống cấp nước DN150, 100 thay thế tuyến ống cũ PVC Đường Hoàng Diệu (Từ đường Trần Phú đến nút giao N7 Nguyễn Tri Phương)”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định là các tuyến ống và máy móc thiết bị của Công ty (xem Thuyết minh số V.9, V.10).
- Hợp đồng tín dụng số 05/2024/HĐTD – ĐTPT ngày 26/06/2024 và Phụ lục số 01 ngày 31/10/2024 với hạn mức 3.710.000.000 VND; thời hạn vay là 74 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 72 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 7,9%/năm. Mục đích vay: “Đầu tư tuyến ống cấp nước DN300, 200, 100 thay thế tuyến ống cũ PVC DN200, 150, 100 - Đường Phạm Văn Đồng (Đoạn từ nhà hàng Thiên Phước đến cầu Hòn Một)”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định là các tuyến ống và máy móc thiết bị của Công ty (xem Thuyết minh số V.9, V.10).
- Hợp đồng tín dụng số 20/2024/HĐTD – ĐTPT ngày 06/09/2024 và Phụ lục số 01 ngày 31/10/2024 với hạn mức 3.340.000.000 VND; thời hạn vay là 53 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 52 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 7,9%/năm. Mục đích vay: “Đầu tư tuyến ống cấp nước DN300, 150, 100 thay thế cho tuyến ống cũ PVC - Quốc lộ 1C (Đường Thống Nhất, đường 23/10, từ Cây Xăng đến cầu Chợ Mới). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định là các tuyến ống và máy móc thiết bị của Công ty (xem Thuyết minh số V.9, V.10).
- Hợp đồng tín dụng số 22/2024/HĐTD – ĐTPT ngày 30/10/2024 và Phụ lục số 01 ngày 21/01/2025 với hạn mức 2.544.000.000 VND; thời hạn vay là 73 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 72 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 7,9%/năm. Mục đích vay: “Đầu tư tuyến ống cấp nước HDPE DN200, 100, 50 thay thế tuyến ống cũ PVC DN200, 100, 50 - Khu Đông Mương Đường Đệ (Độc đường Lý Thái Tổ ra đến Phạm Văn Đồng)”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định là các tuyến ống và máy móc thiết bị của Công ty (xem Thuyết minh số V.9, V.10).
- Hợp đồng tín dụng số 23/2024/HĐTD – ĐTPT ngày 30/10/2024 và Phụ lục số 01 ngày 21/01/2025 với hạn mức 2.421.000.000 VND; thời hạn vay là 73 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 72 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 7,9%/năm. Mục đích vay: “Đầu tư tuyến ống cấp nước HDPE DN300, 200, 100, 50 thay thế tuyến ống PVC - KDC Tây Mương - Đường Đệ (Từ đường Phạm Văn Đồng đến Triệu Quang Phục và đường Trần Khát Chân đến Lý Thái Tổ)”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định là các tuyến ống và máy móc thiết bị của Công ty (xem Thuyết minh số V.9, V.10).
- Hợp đồng tín dụng số 24/2024/HĐTD – ĐTPT ngày 30/10/2024 và Phụ lục số 01 ngày 28/02/2025 với hạn mức 2.335.000.000 VND; thời hạn vay là 73 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 72 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 7,9%/năm. Mục đích vay: “Đầu tư tuyến ống cấp nước HDPE DN300, 150, 100 thay thế tuyến ống PVC đường Võ Thị Sáu - Phường Vĩnh Trường - Tp. Nha Trang (Đoạn trạm bơm tăng áp phường Vĩnh Trường đến đường vòng núi Chụt)”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định là các tuyến ống và máy móc thiết bị của Công ty (xem Thuyết minh số V.9, V.10).



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Hợp đồng tín dụng số 01/2025/HĐTD – ĐTPT ngày 07/02/2025 và Phụ lục số 01 ngày 02/04/2025 với hạn mức 941.000.000 VND; thời hạn vay là 61 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 60 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 7,9%/năm. Mục đích vay: “Đầu tư tuyến ống cấp nước HDPE DN100, 50 thay thế tuyến ống cũ PVC - Khu dân cư A-T - P. Vĩnh Hải - Tp. Nha Trang (đường Nguyễn Quyền, Sư Vạn Hạnh, Lương Ngọc Quyền, Thái Phiên, Ngô Gia Khâm)”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định là các tuyến ống và máy móc thiết bị của Công ty (xem Thuyết minh số V.9, V.10).
- Hợp đồng tín dụng số 02/2025/HĐTD – ĐTPT ngày 07/02/2025 và Phụ lục số 01 ngày 24/04/2025 với hạn mức 906.000.000 VND; thời hạn vay là 61 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 60 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 7,9%/năm. Mục đích vay: “Đầu tư tuyến ống cấp nước HDPE DN150, 100, 50 thay thế tuyến ống cũ PVC DN150, 100, 50 đường Lương Định Của (Đoạn từ Cầu Bến Ma đến Cầu Gỗ Phú Kiềng)”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định là các tuyến ống và máy móc thiết bị của Công ty (xem Thuyết minh số V.9, V.10).
- Hợp đồng tín dụng số 03/2025/HĐTD – ĐTPT ngày 09/04/2025 và Phụ lục số 01 ngày 30/06/2025 với hạn mức 1.958.000.000 VND; thời hạn vay là 61 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 60 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 7,9%/năm. Mục đích vay: “Đầu tư tuyến ống cấp nước HDPE DN150, 100, 50 thay thế tuyến ống cũ PVC DN150, 100, 50 đường Xuân Lạc - Xã Vĩnh Ngọc - Nha Trang”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định là các tuyến ống và máy móc thiết bị của Công ty (xem Thuyết minh số V.9, V.10).
- Hợp đồng tín dụng số 04/2025/HĐTD – ĐTPT ngày 09/04/2025 và Phụ lục số 01 ngày 09/06/2025 với hạn mức 1.633.000.000 VND; thời hạn vay là 61 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 60 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 7,9%/năm. Mục đích vay: “Đầu tư tuyến ống cấp nước HDPE DN150, 100, 50 thay thế tuyến ống cũ PVC DN150, 100, 50 - Khu Đồng Mương - Đường Đệ - P. Vĩnh Hòa - Tp. Nha Trang (Độc đường Nguyễn Bặc đến đường Nguyễn Dữ)”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định là các tuyến ống và máy móc thiết bị của Công ty (xem Thuyết minh số V.9, V.10).
- Hợp đồng tín dụng số 05/2025/HĐTD – ĐTPT ngày 09/04/2025 và Phụ lục số 01 ngày 09/06/2025 với hạn mức 1.851.000.000 VND; thời hạn vay là 61 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 60 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 7,9%/năm. Mục đích vay: “Đầu tư tuyến ống cấp nước HDPE DN150, 100, 50 thay thế tuyến ống cũ PVC - KDC Tây Mương - Đường Đệ - P. Vĩnh Hòa - Tp. Nha Trang (Từ đường Lý Thái Tổ đến Triệu Quang Phục và đường Nguyễn An đến Trần Khát Chân)”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định là các tuyến ống và máy móc thiết bị của Công ty (xem Thuyết minh số V.9, V.10).
- Hợp đồng tín dụng số 06/2025/HĐTD – ĐTPT ngày 15/04/2025 và Phụ lục số 01 ngày 20/06/2025 với hạn mức 1.332.000.000 VND; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 59 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 7,9%/năm. Mục đích vay: “Đầu tư tuyến ống cấp nước HDPE DN300, 250, 150, 100 thay thế tuyến ống cũ PVC DN300, 150, 100 Đường Trần Phú - phường Lộc Thọ - Tp. Nha Trang - Km18+460P đến Km19+351P (từ đường Nguyễn Thị Minh Khai đến hẻm 86 Trần Phú)”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định là các tuyến ống và máy móc thiết bị của Công ty (xem Thuyết minh số V.9, V.10).



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Hợp đồng tín dụng số 14/2025/HĐTD – ĐTPT ngày 02/06/2025 và Phụ lục số 01 ngày 28/07/2025 với hạn mức 2.266.000.000 VND; thời hạn vay là 42 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 40 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 7,9%/năm. Mục đích vay: “Đầu tư tuyến ống cấp nước HDPE DN300, 50 thay thế tuyến ống cũ PVC DN300, 50 - đường Nguyễn Lương Bằng - xã Vĩnh Phương - Tp. Nha Trang (từ cầu Vĩnh Phương đến ngã ba QL1 phía thượng lưu)”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định là các tuyến ống và máy móc thiết bị của Công ty (xem Thuyết minh số V.9, V.10).
- Hợp đồng tín dụng số 16/2025/HĐTD – ĐTPT ngày 03/07/2025 và Phụ lục số 01 ngày 30/09/2025 với hạn mức 3.000.000.000 VND; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 59 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 7,9%/năm. Mục đích vay: “Đầu tư Hệ thống cấp nước sạch Xã Sông Cầu”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định là các tuyến ống và máy móc thiết bị của Công ty (xem Thuyết minh số V.9, V.10).
- Hợp đồng tín dụng số 17/2025/HĐTD – ĐTPT ngày 03/07/2025 và Phụ lục số 01 ngày 27/11/2025 với hạn mức 3.387.000.000 VND; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 59 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 7,9%/năm. Mục đích vay: “Đầu tư sửa chữa thay mới tuyến ống cấp nước HDPE DN300, 100 thay thế tuyến ống cũ PVC DN300, 100 đường Trần Quý Cáp, Lạc Long Quân, Quốc lộ 1, đoạn từ đường Phan Bội Châu đến Cầu Lùng, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định là các tuyến ống và máy móc thiết bị của Công ty (xem Thuyết minh số V.9, V.10).
- Hợp đồng tín dụng số 20/2025/HĐTD – ĐTPT ngày 03/07/2025 và Phụ lục số 01 ngày 27/11/2025 với hạn mức 2.137.000.000 VND; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 59 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 7,9%/năm. Mục đích vay: “Đầu tư tuyến ống cấp nước HDPE DN300, 50 đường Trần Quý Cáp, Hà Huy Tập, đoạn từ ngã ba đường Phan Bội Châu đến ngã ba đường Đồng Khởi, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định là các tuyến ống và máy móc thiết bị của Công ty (xem Thuyết minh số V.9, V.10).
- Hợp đồng tín dụng số 21/2025/HĐTD – ĐTPT ngày 25/08/2025 và Phụ lục số 01 ngày 08/12/2025 với hạn mức 1.102.000.000 VND; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 59 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 7,9%/năm. Mục đích vay: “Đầu tư tuyến ống cấp nước HDPE DN300 tính lộ 3 và đại lộ Nguyễn Tất Thành - Thôn Phước Lợi - Xã Phước Đồng - Tp. Nha Trang (Đoạn từ bãi tập lái xe Phước Đồng đến công ty TNHH thủy sản Ánh Sáng)”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định là các tuyến ống và máy móc thiết bị của Công ty (xem Thuyết minh số V.9, V.10).
- Hợp đồng tín dụng số 22/2025/HĐTD – ĐTPT ngày 18/09/2025 và Phụ lục số 01 ngày 16/01/2026 với hạn mức 1.054.000.000 VND; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 59 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 7,9%/năm. Mục đích vay: “Đầu tư tuyến ống cấp nước HDPE DN300, 150, 100, 50 thay thế tuyến ống cũ PVC đường Nguyễn Đức Cảnh, Lương Thế Vinh - Phường Phước Long (Từ ngã tư Nguyễn Đức Cảnh, Lý Nam Đế đến ngã ba Lương Thế Vinh, Dã Tượng)”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định là các tuyến ống và máy móc thiết bị của Công ty (xem Thuyết minh số V.9, V.10).



001-C
TNHH
TƯ VẤN
C
NH
NG
T. KHÁNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Hợp đồng tín dụng số 23/2025/HĐTD – ĐTPT ngày 24/10/2025 và Phụ lục số 01 ngày 27/02/2026 với hạn mức 3.260.000.000 VND; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 59 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 7,9%/năm. Mục đích vay: “Đầu tư tuyến ống cấp nước HDPE DN400, 300, 100 thay thế tuyến ống cũ PVC DN200, 150, 100 đường Trần Phú - Phường Nha Trang (đoạn từ hẻm 86 Trần Phú đến đường Dã Tượng)”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định là các tuyến ống và máy móc thiết bị của Công ty (xem Thuyết minh số V.9, V.10).
 - Hợp đồng tín dụng số 24/2025/HĐTD – ĐTPT ngày 24/10/2025 và Phụ lục số 01 ngày 27/02/2026 với hạn mức 1.280.000.000 VND; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 59 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 7,9%/năm. Mục đích vay: “Đầu tư hệ thống cấp nước sạch thôn Tân Xương 2 và khu tái định cư xã Suối Dầu (xã Suối Cát cũ)”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định là các tuyến ống và máy móc thiết bị của Công ty (xem Thuyết minh số V.9, V.10).
 - Hợp đồng tín dụng số 25/2025/HĐTD – ĐTPT ngày 08/12/2025 và Phụ lục số 01 ngày 13/03/2026 với hạn mức 1.213.000.000 VND; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 59 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 7,9%/năm. Mục đích vay: “Đầu tư hệ thống cấp nước DN400, 300 thay thế tuyến ống thép cũ DN300 Cầu Bình Tân, Trạm Hòn Rớt - Phường Nam Nha Trang”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định là các tuyến ống và máy móc thiết bị của Công ty (xem Thuyết minh số V.9, V.10).
 - Hợp đồng tín dụng số 26/2025/HĐTD – ĐTPT ngày 24/12/2025 và Phụ lục số 01 ngày 12/03/2026 với hạn mức 1.620.000.000 VND; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 59 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 7,9%/năm. Mục đích vay: “Đầu tư hệ thống cấp nước DN100, 50 thay thế tuyến ống cũ PVC DN100, 50 Khu Đồng Mương Đường Đệ - Phường Bắc Nha Trang (Đoạn từ đường Nguyễn Dữ đến đường D25)”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định là các tuyến ống và máy móc thiết bị của Công ty (xem Thuyết minh số V.9, V.10).
 - Hợp đồng tín dụng số 01/2026/HĐTD – ĐTPT ngày 26/02/2026 với hạn mức 2.170.000.000 VND; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời hạn trả nợ là 59 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; lãi suất cho vay là 7,9%/năm. Mục đích vay: “Đầu tư hệ thống cấp nước HDPE DN150, 100, 50, 33 thay thế tuyến ống cũ PVC DN150, 100, 50, 33 Hẻm 707 đường 23/10 - Vĩnh Diêm Thượng - phường Tây Nha Trang (Xã Vĩnh Hiệp, Vĩnh Thạnh cũ)”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định là các tuyến ống và máy móc thiết bị của Công ty (xem Thuyết minh số V.9, V.10).
- (ii) Vay dài hạn Ngân sách tỉnh Khánh Hòa để đầu tư nâng cấp mở rộng Nhà máy nước Võ Cạnh và lắp đặt hệ thống Lamella cho bể lắng Nhà máy nước Võ Cạnh thuộc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa với lãi suất 0%, thời hạn trả nợ gốc 12 năm kể từ ngày công trình hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	63.153.973.591	37.674.649.864
Trên 1 năm đến 5 năm	49.338.821.068	86.066.469.727
Trên 5 năm	5.424.000.000	8.304.000.000
Cộng	117.916.794.659	132.045.119.591

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển sang vay ngắn hạn	Số cuối kỳ
Kỳ này				
Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa	84.175.821.068	4.748.000.000	(34.161.000.000)	54.762.821.068
Ngân sách tỉnh Khánh Hòa	10.194.648.659	-	(10.194.648.659)	-
Cộng	94.370.469.727	4.748.000.000	(44.355.648.659)	54.762.821.068
Kỳ trước				
Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa	93.627.146.000	28.442.000.000	(37.893.324.932)	84.175.821.068
Ngân sách tỉnh Khánh Hòa	12.194.648.659	-	(2.000.000.000)	10.194.648.659
Cộng	105.821.794.659	28.442.000.000	(39.893.324.932)	94.370.469.727

20c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	220.525.112	10.000.000.000	10.530.000	(8.155.084.000)	2.075.971.112
Quỹ phúc lợi	2.351.836.472	6.157.056.077	-	(1.672.474.259)	6.836.418.290
Cộng	2.572.361.584	16.157.056.077	10.530.000	(9.827.558.259)	8.912.389.402

22. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Kỳ này			Kỳ trước		
	Quỹ phát triển KH và CN	Quỹ phát triển KH và CN đã hình thành TSCĐ	Cộng	Quỹ phát triển KH và CN	Quỹ phát triển KH và CN đã hình thành TSCĐ	Cộng
Số đầu năm	1.183.641.468	3.289.409.028	4.473.050.496	2.139.386.077	3.265.626.331	5.405.012.408
Tài sản cố định được hình thành từ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	-	-	-	(955.744.609)	955.744.609	-
Khấu hao tài sản cố định	-	(935.958.495)	(935.958.495)	-	(931.961.912)	(931.961.912)
Trình bày lại nguyên giá TSCĐ hình thành từ quỹ	(19.673.040)	19.673.040	-	-	-	-
Số cuối kỳ	1.163.968.428	2.373.123.573	3.537.092.001	1.183.641.468	3.289.409.028	4.473.050.496

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

23. Vốn chủ sở hữu

23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	285.999.960.000	852.875.935	-	87.242.802.312	374.095.638.247
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	38.436.202.149	38.436.202.149
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2024	-	-	26.150.000.000	(26.150.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2024	-	-	-	(12.472.809.112)	(12.472.809.112)
Số dư cuối năm trước	285.999.960.000	852.875.935	26.150.000.000	87.056.195.349	400.059.031.284
Số dư đầu năm nay	285.999.960.000	852.875.935	48.869.748.493	88.837.290.584	424.559.875.012
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	40.326.561.708	40.326.561.708
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2025	-	-	22.630.241.507	(22.630.241.507)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2025	-	-	-	(16.157.056.077)	(16.157.056.077)
Chia cổ tức năm 2025	-	-	-	(50.049.993.000)	(50.049.993.000)
Số dư cuối kỳ này	285.999.960.000	852.875.935	71.499.990.000	40.326.561.708	398.679.387.643

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ủy ban nhân dân Khánh Hòa	145.860.000.000	145.860.000.000
Công ty TNHH Nước sạch REE	125.505.600.000	125.505.600.000
Các cổ đông khác	14.634.360.000	14.634.360.000
Cộng	285.999.960.000	285.999.960.000

23c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.599.996	28.599.996
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.599.996	28.599.996
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.599.996	28.599.996

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026 như sau:

	Số tiền (VND)
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 22.630.241.507
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 16.157.056.077
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 50.049.993.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**24. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính****Tài sản cầm cố, thế chấp**

	Giá trị sổ sách		Thời gian cầm cố, thế chấp	Bên nhận cầm cố, thế chấp
	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn (xem Thuyết minh số V.2a)				
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	5.297.171.500	5.297.171.500	Đến năm 2028	Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	8.874.167.700	8.874.167.700	Đến năm 2026	Sở Xây dựng Khánh Hòa
Tài sản cố định hữu hình (xem Thuyết minh số V.10)				
Các máy móc thiết bị vận hành	1.605.910.308	1.774.154.892	Theo thời hạn hợp đồng vay	Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa
Hệ thống các tuyến ống HDPE trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	205.564.216.753	223.467.133.013	Theo thời hạn hợp đồng vay	Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa
Tài sản cố định vô hình (xem Thuyết minh số V.11)				
Quyền sử dụng đất	8.969.165.100	9.359.128.800	12 năm	Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa
Tài sản dài hạn khác (xem Thuyết minh số V.12)				
Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	3.256.004.914	3.181.060.351	5 năm	Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa
Cộng	230.182.990.075	248.402.160.056		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu sản xuất, cung cấp nước sạch	224.884.131.111	215.306.889.173
Doanh thu hoạt động xây lắp, khảo sát, thiết kế	3.377.172.446	4.041.053.303
Cộng	228.261.303.557	219.347.942.476

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản hàng bán bị trả lại trong hoạt động xây lắp, khảo sát thiết kế.

3. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn sản xuất, cung cấp nước sạch	175.951.678.520	166.167.667.143
Giá vốn hoạt động xây lắp, khảo sát, thiết kế	2.740.164.378	3.731.974.440
Cộng	178.691.842.898	169.899.641.583

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.333.034.076	2.237.201.479
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	8.769.958	9.645.369
Cổ tức được chia	2.868.010.427	-
Cộng	7.209.814.461	2.246.846.848

5. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí đi vay	2.989.234.601	3.002.665.269
- Chi phí lãi vay	4.516.137.754	4.664.459.858
- Lãi cấp bù vay Quỹ đầu tư	(1.526.903.153)	(1.661.794.589)
Cộng	2.989.234.601	3.002.665.269

6. Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng kỳ trước là chi phí dịch vụ mua ngoài.

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.676.147.577	2.683.377.900
Chi phí đồ dùng văn phòng	429.767.383	402.845.514
Chi phí khấu hao tài sản cố định	315.777.775	105.821.781
Chi phí mua ngoài	1.583.084.961	1.423.009.752
Các chi phí khác	1.851.841.567	1.620.669.655
Cộng	9.856.619.263	6.235.724.602



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**8. Thu nhập khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thanh lý vật tư	593.023.837	-
Thu phí thoát nước, phí bảo vệ môi trường	2.517.367.028	2.281.556.950
Thu nhập khác	163.407.156	740.000.076
Cộng	3.273.798.021	3.021.557.026

9. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hỗ trợ thu phí bảo vệ môi trường	2.517.402.840	2.278.193.500
Chi phí khác	83	23.256.956
Cộng	2.517.402.923	2.301.450.456

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	40.326.561.708	38.436.202.149
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(8.078.528.039)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	40.326.561.708	30.357.674.111
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	35.749.919	35.749.919
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.128	849

10b. Thông tin khác

Ngày 14 tháng 7 năm 2026, Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ Quỹ đầu tư phát triển được hình thành từ lợi nhuận sau thuế của năm 2025 và các năm trước. Lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này. Ngoài ra, lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ trước cũng được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu. Các điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ trước giảm từ 1.344 VND xuống còn 849 VND.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	83.272.560.644	75.983.243.478
Chi phí nhân công	44.096.109.060	42.043.843.158
Chi phí khấu hao tài sản cố định	47.165.843.675	44.038.183.057
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.240.546.387	6.136.317.819
Chi phí khác	7.773.402.395	8.235.778.673
Cộng	188.548.462.161	176.437.366.185



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**
Trong kỳ, Công ty đã mua bằng cách nhận nợ một số tài sản cố định trị giá 483.724.500 VND.
- Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng**
Theo hướng dẫn của Thông tư 99, các khoản tiền và tương đương tiền bị hạn chế sử dụng không được trình bày tại chi tiêu "Tiền và các khoản tương đương tiền" mà được trình bày tại chi tiêu "Tài sản ngắn hạn khác" hoặc chi tiêu "Tài sản dài hạn khác" trên Báo cáo tình hình tài chính.

Chi tiết về giá trị và lý do hạn chế sử dụng của các khoản tiền và tương đương tiền này được trình bày tại các Thuyết minh số V.9 và V.24.

Tổng giá trị các khoản tiền và tương đương tiền bị hạn chế sử dụng tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 3.256.004.914 VND (số đầu năm là 3.181.060.351 VND).

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Giao dịch và số dư với các bên liên quan**
Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Chức danh</u>	<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Kỳ này				
Ông Vũ Văn Bình	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	624.267.000	43.800.000	668.067.000
Ông Nguyễn Văn Đàm	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	841.863.000	40.800.000	882.663.000
Bà Võ Thị Khánh Hòa	Phó Tổng Giám đốc	664.946.000	-	664.946.000
Ông Nguyễn Văn Quân	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	595.803.000	40.800.000	636.603.000



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Chức danh	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Ông Lục Chánh Trường	Thành viên HĐQT	-	20.400.000	20.400.000
Ông Trương Khắc Hoành	Thành viên HĐQT (đến ngày 24/04/2026)	-	20.400.000	20.400.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	-	40.800.000	40.800.000
Ông Hoàng Long	Trưởng Ban kiểm soát	360.598.000	33.000.000	393.598.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Ninh	Thành viên Ban kiểm soát	240.528.000	30.000.000	270.528.000
Ông Quách Vĩnh Bình	Thành viên Ban kiểm soát	-	30.000.000	30.000.000
Hoàng Thị Hương Giang	Kế toán trưởng	548.335.000	-	548.335.000
Cộng		3.876.340.000	300.000.000	4.176.340.000
Kỳ trước				
Ông Vũ Văn Bình	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	502.676.500	43.800.000	546.476.500
Ông Nguyễn Văn Đàm	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	682.509.000	40.800.000	723.309.000
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc	500.430.000	-	500.430.000
Bà Võ Thị Khánh Hòa	Phó Tổng Giám đốc	504.087.000	-	504.087.000
Ông Nguyễn Văn Quân	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	494.064.000	40.800.000	534.864.000
Ông Trương Khắc Hoành	Thành viên HĐQT	-	40.800.000	40.800.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	-	40.800.000	40.800.000
Ông Hoàng Long	Trưởng Ban kiểm soát	339.290.000	33.000.000	372.290.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Ninh	Thành viên Ban kiểm soát	197.887.000	30.000.000	227.887.000
Ông Quách Vĩnh Bình	Thành viên Ban kiểm soát	30.000.000	30.000.000	60.000.000
Cộng		3.250.943.500	300.000.000	3.550.943.500

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa	Cổ đông nắm giữ 51% vốn điều lệ
Công ty TNHH Nước sạch REE	Cổ đông nắm giữ 43,88% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ và các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa		
Nhận tiền khen thưởng	24.570.000	-
Cổ tức phải chia	25.525.500.000	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Nước sạch REE		
Cổ tức phải chia	21.963.480.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu		
Cổ tức được chia	2.868.010.427	-
Mua nước sinh hoạt	30.235.560.000	28.574.850.000
Thanh toán tiền	30.579.789.500	29.724.345.000
Các khoản giao dịch khác	-	41.000.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thị trường.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các Thuyết minh số V.5, V.13, V.15 và V.19.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong một lĩnh vực khai thác và cung cấp nước sạch, các hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng doanh thu không đáng kể và trong một khu vực địa lý là địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

3. Số liệu so sánh

Áp dụng chế độ kế toán mới

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Công ty thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Công ty áp dụng phương pháp phi hồi tố.

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ					
Các khoản tương đương tiền	112	3.169.922.200	(3.169.922.200)	-	(i)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	120.717.309.200	616.984.277	121.334.293.477	(ii)
Phải thu ngắn hạn khác	135	3.216.187.968	(628.122.428)	2.588.065.540	(iii)
Tài sản dài hạn khác	247	-	3.181.060.351	3.181.060.351	(iv)



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Phân loại lại các khoản tương đương tiền bị hạn chế sử dụng sang Tài sản dài hạn khác.
- (ii) Phân loại lại lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn.
- (iii) Các điều chỉnh bao gồm:

Phân loại lại lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (ii)
Phân loại lại lãi dự thu của các khoản tương đương tiền
Cộng

Số tiền (VND)
(616.984.277)
(11.138.151)
(628.122.428)

- (iv) Các điều chỉnh bao gồm:

Phân loại lại từ các khoản tương đương tiền bị hạn chế sử dụng (i)
Phân loại lại lãi dự thu của các khoản tương đương tiền
Cộng

Số tiền (VND)
3.169.922.200
11.138.151
3.181.060.351

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

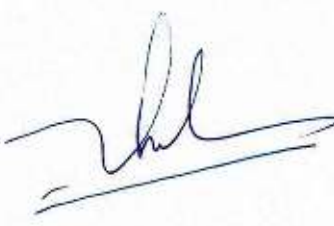
Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 39/NQ-HĐQT ngày 02 tháng 6 năm 2026, Công ty đã thông qua phương án phát hành 7.149.999 cổ phiếu phổ thông để tăng vốn cổ phần từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển lũy kế, với tỷ lệ thực hiện quyền 4:1 (cổ đông sở hữu 04 cổ phiếu được nhận thêm 01 cổ phiếu mới). Cổ phiếu phát hành thêm có mệnh giá 10.000 VND, tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá là 71.499.990.000 VND.

Đợt phát hành kết thúc ngày 14 tháng 7 năm 2026. Số cổ phiếu thực tế được phân phối là 7.149.923 cổ phiếu; 76 cổ phiếu không được phân phối do xử lý phần lẻ cổ phần theo phương án phát hành. Sau đợt phát hành, tổng số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành của Công ty tăng từ 28.599.996 cổ phiếu lên 35.749.919 cổ phiếu. Cổ phiếu phát hành thêm dự kiến được chuyển giao cho cổ đông trong tháng 8 năm 2026.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Công văn số 7037/UBCK-QLCB về việc tiếp nhận tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty.

Ngoài sự kiện đã trình bày nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày Báo cáo tài chính được phê duyệt phát hành cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Khánh Hòa, ngày 11 tháng 8 năm 2026


Trần Thị Thu Hà
Người lập biểu


Hoàng Thị Hương Giang
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Đàm
Người đại diện pháp luật

